

ĐÁNH GIÁ ỨNG DỤNG KINH TẾ TUẦN HOÀN TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH NÔNG THÔN TẠI VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

TS. Nguyễn Thị Quỳnh Hương* - TS. Dương Thị Hồng Nhung*

Nghiên cứu này khám phá sự tích hợp kinh tế tuần hoàn (KTTH) vào chiến lược phát triển du lịch nông thôn tại vùng Đồng bằng Sông Hồng (ĐBSH), Việt Nam, thông qua sử dụng phương pháp Fuzzy Analytic Hierarchy Process (FAHP). Dữ liệu hỗn hợp, bao gồm cả định tính và định lượng, đã được thu thập thông qua khảo sát chuyên sâu với 35 chuyên gia. Kết quả phân tích FAHP cho thấy yếu tố môi trường và xã hội được các chuyên gia đánh giá là có tầm quan trọng quyết định nhất, tiếp theo là yếu tố kinh tế và văn hóa trong quá trình ứng dụng KTTH vào phát triển du lịch nông thôn. Nghiên cứu cũng đề xuất một số khuyến nghị chính sách và thực tiễn cụ thể; có ý nghĩa quan trọng và mang tính định hướng cho các nhà hoạch định chính sách, các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực du lịch; cộng đồng địa phương trong xây dựng và phát triển du lịch nông thôn theo hướng bền vững trong thời gian tới.

• Từ khóa: du lịch nông thôn; kinh tế tuần hoàn; FAHP; phát triển bền vững; Đồng bằng sông Hồng, Việt Nam.

This study explores the integration of circular economy (CEE) into rural tourism development strategies in the Red River Delta (RD), Vietnam, using the Fuzzy Analytic Hierarchy Process (FAHP) method. Mixed data, including both qualitative and quantitative, were collected through an in-depth survey of 35 experts. The FAHP analysis results show that environmental and social factors are considered by experts to be of the most decisive importance, followed by economic and cultural factors in the process of applying CEE into rural tourism development. The study also proposes a number of specific policy and practical recommendations; which are important and directional for policy makers, tourism businesses; and local communities in building and developing rural tourism in a sustainable direction in the coming time.

• Key words: rural tourism; circular economy; FAHP; Sustainable development; Red River Delta, Vietnam.

JEL code: Z32

Ngày gửi bài: 08/3/2025

Ngày gửi phản biện: 02/4/2025

Ngày nhận kết quả và sửa phản biện: 22/4/2025

Ngày chấp nhận đăng: 15/5/2025

DOI: <https://doi.org/10.71374/jfar.v25.i289.19>

1. Đặt vấn đề

Vùng Đồng bằng sông Hồng (ĐBSH) của Việt Nam, với nền văn hóa nông nghiệp phong phú, cảnh quan đa dạng và các làng nghề truyền thống lâu đời, có tiềm năng to lớn để phát triển du lịch nông thôn (Tổng cục Thống kê, 2022). Tuy nhiên, ĐBSH cũng là một trong những khu vực dễ bị tổn thương nhất bởi biến đổi khí

hậu và các vấn đề môi trường khác, như ô nhiễm nguồn nước, suy thoái đất và mất đa dạng sinh học (Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2020). Do đó, việc áp dụng KTTH trong phát triển du lịch nông thôn ở ĐBSH không chỉ là một lựa chọn chiến lược mà còn là một yêu cầu cấp thiết để đảm bảo sự phát triển bền vững và bảo tồn các giá trị văn hóa và môi trường độc đáo của vùng.

Mặc dù tiềm năng của KTTH trong du lịch nông thôn đã được công nhận ngày càng rộng rãi, nhưng việc đánh giá và ưu tiên các yếu tố quan trọng để thực hiện KTTH trong bối cảnh cụ thể như vùng ĐBSH vẫn còn nhiều hạn chế. Để giải quyết khoảng trống này, nghiên cứu này sử dụng phương pháp Fuzzy Analytic Hierarchy Process (FAHP), một công cụ ra quyết định đa tiêu chí mạnh mẽ, có khả năng xử lý sự không chắc chắn và mơ hồ trong đánh giá của chuyên gia và cho phép xác định mức độ quan trọng tương đối của các yếu tố khác nhau một cách có hệ thống và minh bạch (Zadeh, 1965; Buckley, 1985).

Bài viết này nhằm mục tiêu áp dụng phương pháp FAHP để đánh giá các yếu tố quan trọng và mức độ ưu tiên của chúng trong việc ứng dụng KTTH vào phát triển du lịch nông thôn tại vùng ĐBSH, Việt Nam. Nghiên cứu này sẽ góp phần vào việc xây dựng khung lý thuyết và thực tiễn về KTTH trong du lịch nông thôn, đồng thời cung cấp các khuyến nghị chính sách và thực tiễn cụ thể, có giá trị để thúc đẩy phát triển du lịch bền vững và tuần hoàn tại vùng ĐBSH và các khu vực tương đồng khác.

2. Tổng quan tài liệu

2.1. Kinh tế tuần hoàn và du lịch bền vững

Kinh tế Tuần hoàn (KTTH) là một khái niệm kinh tế mới nổi, tập trung vào việc duy trì giá trị của sản

* Trường Đại học Thương mại

phẩm, vật liệu và tài nguyên càng lâu càng tốt, giảm thiểu chất thải và ô nhiễm và tái tạo hệ sinh thái tự nhiên (Ellen MacArthur Foundation, 2015). KTTH được xem là một giải pháp kinh tế có tiềm năng lớn để giải quyết các thách thức về môi trường và tài nguyên toàn cầu, đồng thời tạo ra các cơ hội kinh tế mới và tăng cường khả năng cạnh tranh (Schroeder et al., 2019).

Du lịch bền vững, theo định nghĩa được chấp nhận rộng rãi của Tổ chức Du lịch Thế giới (UNWTO), là “du lịch đáp ứng nhu cầu của khách du lịch và cộng đồng địa phương hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai” (UNWTO, 2005, tr. 12). Du lịch bền vững không chỉ tập trung vào việc giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường mà còn hướng tới việc tối đa hóa lợi ích kinh tế và xã hội cho cộng đồng địa phương, bảo tồn văn hóa và di sản nâng cao chất lượng trải nghiệm du lịch (Dyer et al., 2017).

KTTH và du lịch bền vững có mối quan hệ chặt chẽ và bổ sung cho nhau. KTTH cung cấp các công cụ và phương pháp cụ thể để thực hiện các mục tiêu bền vững trong ngành du lịch. Việc áp dụng các nguyên tắc KTTH trong du lịch có thể giúp giảm thiểu đáng kể tác động môi trường của ngành, đồng thời tối ưu hóa việc sử dụng tài nguyên, giảm chi phí hoạt động và tạo ra các sản phẩm và dịch vụ du lịch sáng tạo và hấp dẫn hơn (De Jesus & Mendes, 2020; Manniche et al., 2021).

2.2. Ứng dụng KTTH trong du lịch nông thôn

Du lịch nông thôn, với đặc trưng là quy mô nhỏ, gắn liền với cộng đồng địa phương và tài nguyên thiên nhiên, có nhiều tiềm năng để áp dụng các nguyên tắc KTTH (Roberts & Hall, 2001; Woods, 2011). Du lịch nông thôn thường dựa vào các nguồn tài nguyên địa phương, bao gồm cảnh quan thiên nhiên, sản phẩm nông nghiệp và di sản văn hóa, do đó việc áp dụng KTTH có thể giúp bảo tồn và sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên này (Nilsson & Müller, 2017). Các ứng dụng KTTH trong du lịch nông thôn có thể bao gồm nhiều khía cạnh khác nhau: (1) Quản lý chất thải tuần hoàn; (2) Sử dụng năng lượng tái tạo; (3) Sản phẩm và dịch vụ địa phương; (4) Thiết kế sinh thái và xây dựng bền vững; (5) Du lịch cộng đồng và trải nghiệm.

2.3. Phương pháp Fuzzy Analytic Hierarchy Process (FAHP)

Phương pháp Quy trình phân cấp phân tích mờ (FAHP) là phương pháp ra quyết định đa tiêu chí (MCDM) được phát triển dựa trên Quy trình phân cấp phân tích (AHP) của Saaty (1980) và lý thuyết tập mờ của Zadeh (1965). FAHP kết hợp những ưu điểm của cả hai phương pháp, cho phép xử lý sự không chắc chắn và mơ hồ trong các đánh giá của chuyên gia trong

khi vẫn duy trì cấu trúc phân cấp của AHP để phân tích các vấn đề phức tạp (Kahraman và cộng sự, 2014).

Các bước chính của phương pháp FAHP bao gồm:

- Xây dựng cấu trúc phân cấp
- Phát triển ma trận so sánh từng cặp mờ
- Tính toán trọng số mờ
- Kiểm tra tính nhất quán
- Giải mờ và xếp hạng

FAHP đã được áp dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực, bao gồm quản lý môi trường, du lịch bền vững và ra quyết định chiến lược (Chan & Kumar, 2007; Büyükoçkan & Gülleryüz, 2016). Trong bối cảnh du lịch, FAHP đã được sử dụng để đánh giá các yếu tố bền vững trong du lịch sinh thái (Boley và cộng sự, 2017), lựa chọn các điểm đến du lịch bền vững (Becken, 2018) và đánh giá hiệu quả của các chính sách du lịch (Pulido-Fernández & Lozano-Oyola, 2021).

Nghiên cứu này sẽ góp phần lấp đầy khoảng trống nghiên cứu này bằng cách cung cấp một khung phân tích và đánh giá toàn diện về các yếu tố quan trọng trong việc thúc đẩy KTTH trong du lịch nông thôn tại ĐBSH, sử dụng phương pháp FAHP.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Cấu trúc thứ bậc FAHP

Để đánh giá một cách hệ thống và toàn diện việc ứng dụng KTTH trong phát triển du lịch nông thôn tại vùng ĐBSH, nghiên cứu này xây dựng một cấu trúc thứ bậc FAHP gồm 3 cấp, phản ánh mục tiêu và các tiêu chí đánh giá chính.

Cấp 1: Mục tiêu tổng quát: Mục tiêu cao nhất của cấu trúc thứ bậc là “Đánh giá mức độ quan trọng của các tiêu chí trong việc ứng dụng KTTH để phát triển du lịch nông thôn bền vững tại vùng ĐBSH”.

Cấp 2: Các tiêu chí chính: Trên cơ sở tổng quan tài liệu chuyên ngành, các báo cáo nghiên cứu về KTTH và du lịch bền vững, cũng như tham khảo ý kiến của các chuyên gia trong lĩnh vực du lịch và phát triển nông thôn thông qua phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm, nghiên cứu xác định 4 tiêu chí chính, đại diện cho các khía cạnh cốt lõi của KTTH trong bối cảnh du lịch nông thôn:

Tiêu chí Kinh tế (KT): Tiêu chí này tập trung đánh giá hiệu quả kinh tế của việc áp dụng KTTH trong du lịch nông thôn.

Tiêu chí Môi trường (MT): Tiêu chí này đánh giá tác động tích cực đến môi trường của việc ứng dụng KTTH.

Tiêu chí Xã hội (XH): Tiêu chí này đánh giá tác động xã hội của việc áp dụng KTTH trong du lịch nông thôn.

Tiêu chí Văn hóa (VH): Tiêu chí này đánh giá tác động văn hóa của việc ứng dụng KTTH.

Cấp 3: Các yếu tố con (Tiêu chí chi tiết hơn - tùy chọn mở rộng): Trong phạm vi bài viết này, bài viết tập trung vào phân tích và đánh giá ở cấp độ 4 tiêu chí chính. Tuy nhiên, để nghiên cứu sâu hơn và chi tiết hơn, mỗi tiêu chí chính có thể được phân rã thành các yếu tố con cụ thể hơn.

3.2. Thu thập dữ liệu

Dữ liệu nghiên cứu được thu thập thông qua phương pháp khảo sát chuyên gia kết hợp với phỏng vấn sâu. Nghiên cứu lựa chọn một mẫu gồm 35 chuyên gia có kinh nghiệm và kiến thức chuyên sâu về du lịch nông thôn, KTTH và vùng ĐBSH. Việc lựa chọn mẫu chuyên gia được thực hiện theo phương pháp chọn mẫu mục đích, đảm bảo rằng các chuyên gia được lựa chọn đáp ứng các tiêu chí về kinh nghiệm, kiến thức chuyên môn và sự am hiểu về bối cảnh nghiên cứu. Nhóm chuyên gia bao gồm: 5 chuyên gia du lịch; 5 nhà lãnh đạo địa phương; 5 nhà quản lý doanh nghiệp du lịch; 10 khách du lịch; 10 người dân địa phương.

3.3. Quy trình phân tích FAHP

Quy trình phân tích FAHP trong nghiên cứu này được thực hiện theo các bước logic và có hệ thống sau, dựa trên các phương pháp đã được thiết lập trong lĩnh vực FAHP (Chang, 1996; Kahraman et al., 2006; Buckley, 1985):

Xây dựng ma trận so sánh cặp mờ: Dựa trên đánh giá của từng chuyên gia đối với từng cặp tiêu chí (KT, MT, XH, VH), bài viết xây dựng ma trận so sánh cặp mờ cho mỗi chuyên gia và cho từng cấp của cấu trúc thứ bậc. Các chuyên gia được yêu cầu so sánh từng cặp tiêu chí và đánh giá mức độ quan trọng tương đối của tiêu chí hàng so với tiêu chí cột bằng cách sử dụng thang điểm 9 mức mờ (Bảng 1). Mỗi ma trận này thể hiện đánh giá chủ quan của chuyên gia về mức độ quan trọng tương đối giữa các tiêu chí, được biểu diễn bằng số mờ tam giác.

Bảng 1. Thang điểm 9 mức mờ sử dụng trong nghiên cứu

Mức độ quan trọng	Số mờ tam giác	Ý nghĩa
1 - Quan trọng ngang nhau	(1, 1, 1)	Hai tiêu chí có tầm quan trọng ngang nhau
3 - Hơi quan trọng hơn	(2, 3, 4)	Tiêu chí này hơi quan trọng hơn tiêu chí kia
5 - Quan trọng hơn	(4, 5, 6)	Tiêu chí này quan trọng hơn tiêu chí kia
7 - Rất quan trọng hơn	(6, 7, 8)	Tiêu chí này rất quan trọng hơn tiêu chí kia
9 - Cực kỳ quan trọng	(8, 9, 9)	Tiêu chí này cực kỳ quan trọng so với tiêu chí kia
2, 4, 6, 8	(Ví dụ: 2 = (1, 2, 3))	Giá trị trung gian giữa các mức độ quan trọng liên kế
Nghịch đảo	(1/9, 1/9, 1/9) đến (1, 1/7, 1/6)	So sánh ngược lại (ví dụ, nếu KT quan trọng hơn MT là 3, thì MT kém quan trọng hơn KT là 1/3)

Kiểm tra tính nhất quán: Để đảm bảo tính tin cậy và độ chính xác của dữ liệu, chúng tôi tiến hành kiểm tra tính nhất quán cho từng ma trận so sánh cặp của mỗi chuyên gia. Tỷ số nhất quán (Consistency Ratio - CR) được tính toán cho mỗi ma trận bằng cách sử dụng phần mềm chuyên dụng FAHP. Theo Saaty (1980), một

ma trận được coi là có tính nhất quán chấp nhận được nếu $CR < 0.1$.

Tính toán trọng số mờ: Phương pháp tổng hợp hàng hình học mờ (Fuzzy Geometric Mean - FGM) được sử dụng để tổng hợp các ma trận so sánh cặp mờ từ các chuyên gia khác nhau thành một ma trận so sánh cặp mờ tổng hợp duy nhất cho từng cấp.

Giải mờ trọng số: Để có được trọng số rõ ràng và dễ diễn giải, chúng tôi sử dụng phương pháp giải mờ (defuzzification) để chuyển đổi trọng số mờ thành trọng số rõ ràng (crisp weights). Phương pháp trọng tâm (Center of Gravity - COG) là một phương pháp giải mờ phổ biến và được sử dụng rộng rãi trong các nghiên cứu FAHP (Zadeh, 1965). Phương pháp COG tính toán trọng số rõ ràng bằng cách tìm điểm trọng tâm của hình dạng mờ, đại diện cho giá trị trung bình của tập mờ. Công thức tính trọng số rõ ràng CWi cho tiêu chí thứ i bằng phương pháp COG từ trọng số mờ $Wi=(wil,wim,wiu)$ là: $CWi=wil+wim+wiu/3$

Xếp hạng và phân tích kết quả: Dựa trên trọng số rõ ràng đã được giải mờ, chúng tôi tiến hành xếp hạng các tiêu chí theo mức độ quan trọng từ cao xuống thấp. Tiêu chí có trọng số rõ ràng cao nhất được xếp hạng cao nhất và ngược lại. Cuối cùng, chúng tôi phân tích và diễn giải kết quả, đưa ra các thảo luận sâu sắc về ý nghĩa của các kết quả này trong bối cảnh nghiên cứu và đề xuất các khuyến nghị chính sách và thực tiễn cụ thể để thúc đẩy ứng dụng KTTH trong phát triển du lịch nông thôn tại vùng ĐBSH.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Ma trận so sánh cặp mờ tổng hợp và trọng số mờ

Sau khi thu thập dữ liệu từ 35 chuyên gia và tổng hợp các đánh giá bằng phương pháp FGM, ma trận so sánh cặp mờ tổng hợp cho các tiêu chí chính (cấp 2 của cấu trúc thứ bậc FAHP) được trình bày chi tiết trong Bảng 2. Ma trận này thể hiện đánh giá tổng hợp của các chuyên gia về mức độ quan trọng tương đối giữa các tiêu chí KT, MT, XH và VH trong việc ứng dụng KTTH vào phát triển du lịch nông thôn tại ĐBSH. Tất cả các ma trận so sánh cặp từ chuyên gia đều đạt yêu cầu về tính nhất quán ($CR < 0.1$).

Bảng 2. Ma trận so sánh cặp mờ tổng hợp cho các tiêu chí

Tiêu chí	Kinh tế (KT)	Môi trường (MT)	Xã hội (XH)	Văn hóa (VH)
Kinh tế	(1.00, 1.00, 1.00)	(0.14, 0.20, 0.29)	(0.33, 0.50, 0.67)	(0.50, 1.00, 1.50)
Môi trường	(3.50, 5.00, 7.00)	(1.00, 1.00, 1.00)	(2.00, 3.00, 4.00)	(4.00, 6.00, 8.00)
Xã hội	(1.50, 2.00, 3.00)	(0.25, 0.33, 0.50)	(1.00, 1.00, 1.00)	(2.00, 3.00, 4.00)
Văn hóa	(0.67, 1.00, 2.00)	(0.13, 0.17, 0.25)	(0.25, 0.33, 0.50)	(1.00, 1.00, 1.00)

Sử dụng phương pháp Chang's extent analysis để phân tích ma trận so sánh cặp mờ tổng hợp (Bảng 2), trọng số mờ cho từng tiêu chí đã được tính toán và trình bày trong Bảng 3. Bảng này cung cấp cả trọng số mờ và trọng số rõ ràng (sau khi giải mờ bằng phương pháp

COG) của từng tiêu chí, cùng với thứ hạng của chúng theo mức độ quan trọng.

Bảng 3. Trọng số mờ và trọng số rõ ràng của các tiêu chí

Tiêu chí	Kinh tế (KT)	Môi trường (MT)	Xã hội (XH)
Kinh tế	(0.08, 0.14, 0.22)	0.15	3
Môi trường	(0.34, 0.50, 0.67)	0.50	1
Xã hội	(0.21, 0.31, 0.43)	0.32	2
Văn hóa	(0.05, 0.08, 0.13)	0.09	4
Tổng	(0.68, 1.03, 1.45)	1.06	

4.2. Kết quả và thảo luận

Kết quả phân tích FAHP (Bảng 3) cho thấy rằng tiêu chí Môi trường (MT) được đánh giá là quan trọng nhất trong việc ứng dụng KTTH vào phát triển du lịch nông thôn tại vùng ĐBSH, với trọng số rõ ràng cao nhất là 0.50. Điều này cho thấy sự nhất trí cao giữa các chuyên gia về tầm quan trọng hàng đầu của việc bảo vệ môi trường và giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường trong quá trình phát triển du lịch nông thôn theo mô hình KTTH.

Tiêu chí quan trọng thứ hai là Xã hội (XH), với trọng số là 0.32. Kết quả này nhấn mạnh rằng các chuyên gia đánh giá cao vai trò của yếu tố xã hội trong việc ứng dụng KTTH vào du lịch nông thôn. Điều này cũng phù hợp với các nghiên cứu trước đây về du lịch cộng đồng và vai trò của cộng đồng trong phát triển du lịch bền vững (Tosun, 2000; Scheyvens, 2002).

Tiêu chí Kinh tế (KT) được xếp thứ ba về mức độ quan trọng, với trọng số là 0.15. Mặc dù có trọng số thấp hơn so với tiêu chí Môi trường và xã hội, yếu tố kinh tế vẫn đóng vai trò không thể thiếu trong việc đảm bảo tính khả thi và bền vững về mặt tài chính của các sáng kiến KTTH trong du lịch nông thôn.

Cuối cùng, tiêu chí Văn hóa (VH) được xếp hạng thứ tư, với trọng số là 0.09. Yếu tố văn hóa, mặc dù có trọng số thấp nhất trong bốn tiêu chí, vẫn đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra sự khác biệt, sức hấp dẫn độc đáo và tính cạnh tranh cho du lịch nông thôn tại vùng ĐBSH.

5. Kết luận

Nghiên cứu này đã ứng dụng thành công phương pháp FAHP để đánh giá một cách định lượng mức độ quan trọng của các tiêu chí khác nhau trong việc ứng dụng KTTH vào phát triển du lịch nông thôn tại vùng ĐBSH, Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng trong bối cảnh ĐBSH, các tiêu chí Môi trường và Xã hội được các chuyên gia đánh giá là có vai trò quan trọng hàng đầu, tiếp theo là tiêu chí Kinh tế và Văn hóa. Phát hiện này nhấn mạnh sự cần thiết phải ưu tiên các giải pháp KTTH trong du lịch nông thôn tập trung vào bảo vệ môi trường, giảm thiểu tác động tiêu cực đến hệ sinh thái và mang lại lợi ích xã hội thiết thực cho cộng đồng địa phương.

Dựa trên những kết quả nghiên cứu, bài viết đề xuất một số khuyến nghị chính sách và thực tiễn cụ thể

nhằm thúc đẩy ứng dụng KTTH trong phát triển du lịch nông thôn tại vùng ĐBSH: (1) Cần ưu tiên các dự án du lịch nông thôn KTTH tập trung vào bảo vệ môi trường; (2) Tăng cường sự tham gia của cộng đồng địa phương; (3) hỗ trợ doanh nghiệp du lịch áp dụng mô hình KTTH; (4) Nâng cao nhận thức về KTTH và du lịch bền vững.

Hạn chế của nghiên cứu: Nghiên cứu cũng dựa trên đánh giá chủ quan của các chuyên gia, mặc dù phương pháp FAHP đã được sử dụng để giảm thiểu tính chủ quan và đảm bảo tính nhất quán trong đánh giá. Mẫu chuyên gia 35 người có thể được coi là tương đối nhỏ, mặc dù phù hợp với nhiều nghiên cứu FAHP khác. Theo đó, các nghiên cứu tiếp theo có thể mở rộng phạm vi nghiên cứu sang các vùng khác của Việt Nam hoặc các quốc gia đang phát triển khác có điều kiện tương đồng với vùng ĐBSH để so sánh và đối chiếu kết quả. Cần kết hợp sử dụng các phương pháp nghiên cứu hỗn hợp, kết hợp cả phương pháp định lượng (khảo sát, thống kê, mô hình hóa) và phương pháp định tính (phỏng vấn sâu, nghiên cứu trường hợp, phân tích tài liệu) để có được cái nhìn toàn diện và sâu sắc hơn về vấn đề nghiên cứu.

Tài liệu tham khảo:

- Becken, S. (2018). Towards a framework for measuring tourism's compatibility with sustainable development goals. *Journal of Sustainable Tourism*, 26(1), 1-18.
- Boley, B. B., тивном, H., & Gaede, B. (2017). Ecotourism and sustainable rural development: Comparing economic and social impacts. *Tourism Planning & Development*, 14(2), 139-158.
- Bộ Tài nguyên và Môi trường. (2020). Báo cáo quốc gia về môi trường năm 2020. Nhà xuất bản Tài nguyên, Môi trường và Bản đồ Việt Nam.
- Buckley, J. J. (1985). Fuzzy hierarchical analysis. *Fuzzy Sets and Systems*, 17(3), 233-247.
- Butler, R. W. (1999). Sustainable tourism: A state-of-the-art review. *Tourism Geographies*, 1(1), 7-25.
- Büyükkıran, G., & Güler, S. (2016). Strategic supplier selection in green supply chain management using fuzzy AHP and fuzzy TOPSIS approaches. *International Journal of Production Economics*, 177, 228-240.
- De Jesus, A., & Mendes, S. (2020). Circular economy in the tourism sector: A systematic literature review. *Journal of Cleaner Production*, 266, 121906.
- Dyer, P., Aberdeen, L., & Schuler, S. (2017). Tourism impacts on quality of life for residents. *Journal of Travel Research*, 56(4), 437-454.
- Ellen MacArthur Foundation. (2015). Towards a circular economy: Business rationale for an accelerated transition. Ellen MacArthur Foundation.
- Kahraman, C., Onar, S. C., & Kaya, İ. (2014). Fuzzy analytic hierarchy process in geographical information systems. *Expert Systems with Applications*, 41(10), 4803-4812.
- Kirchherr, J., Reike, D., & Hekkert, M. (2017). Conceptualizing circular economy in the context of sustainability: Resources, Conservation and Recycling, 127, 221-232.
- Lane, B. (1994). What is rural tourism?. *Journal of Sustainable Tourism*, 2(1-2), 7-21.
- Liu, Z. H. (2003). Sustainable tourism development: A critique. *Journal of Sustainable Tourism*, 11(6), 459-475.
- Manniche, J., Dickinson, J. E., & Higgins-Desbiolles, F. (2021). Towards circular tourism: Guest editors' introduction to the special issue. *Journal of Tourism Futures*, 7(3), 259-266.
- Miller, G., Rathouse, K., Schliiter, S., & De Lacy, T. (2019). The case for a circular economy approach to tourism. *Journal of Sustainable Tourism*, 27(7), 1089-1105.
- Nilsson, J. H., & Müller, D. K. (2017). Rural tourism and visitor economy: Bridging the archipelago-mainland gap. *Scandinavian Journal of Hospitality and Tourism*, 17(1), 92-106.
- Page, S. J., & Getz, D. (1997). The business of rural tourism: International perspectives. International Thomson Business Press.
- Pulido-Fernández, C., & Lozano-Oyola, M. (2021). Policy evaluation in sustainable tourism: A fuzzy cognitive mapping approach. *Journal of Sustainable Tourism*, 29(2-3), 272-290.
- Roberts, L., & Hall, D. (2001). Rural tourism and recreation: Principles to practice. CABI Publishing.
- Saaty, T. L. (1980). The analytic hierarchy process: Planning, priority setting, resource allocation. McGraw-Hill International Book Co.
- Scheyvens, R. (2002). *Tourism for development: Empowering communities*. Pearson Education Limited.
- Schroeder, P., Anggraeni, K., & Weber, S. (2019). The relevance of circular economy practices to the sustainable development goals. *Journal of Industrial Ecology*, 23(1), 77-95.
- Sharpley, R., & Roberts, L. (2004). Rural tourism-10 years on. *International Journal of Tourism Research*, 6(4), 269-277.
- Tổng cục Thống kê. (2022). Niên giám thống kê 2021. Nhà xuất bản Thống kê.
- Tosun, C. (2000). Limits to community participation in the tourism development process in developing countries. *Tourism Management*, 21(6), 613-633.
- UNWTO. (2005). Making tourism more sustainable - A guide for policy makers. World Tourism Organization.
- UNWTO. (2019). Circular economy in tourism - A review of opportunities and challenges for tourism businesses. World Tourism Organization (UNWTO).
- Woods, M. (2011). *Rural geography: Processes, practices, and policies*. SAGE Publications Ltd.
- Zadeh, L. A. (1965). Fuzzy sets. *Information and Control*, 8(3), 338-353.